

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 95/2021/DS-ST

Ngày 29-9-2021

V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Nguyên

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Phi Khanh

2. Bà Nguyễn Thị Bắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2020, về: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Võ Thái Ng, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số 144/2 đường W, Tổ 3, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

2. Bị đơn: Chị Bùi Huyền Tr. Địa chỉ: Số 125 đường Ng, Tổ 6, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Tư D, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số 125 đường Ng, Tổ 6, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

4. Người làm chứng: Anh Diệp Tư H, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số 22 đường P, Tổ 9, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07-10-2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 11-11-2020 và đơn thay đổi, bổ sung và rút một phần yêu cầu khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Võ Thái Ng trình bày:

Anh Võ Thái Ng và vợ chồng chị Bùi Huyền Tr, anh Nguyễn Tư D có quen biết và làm ăn với nhau nên nhiều lần anh Ng cho vợ chồng chị Tr và anh D vay tiền Đô la Mỹ và tiền Đồng Việt Nam để đầu tư kinh doanh buôn bán. Vì tin tưởng nhau nên việc cho vay tiền anh Ng chủ yếu liên lạc với chị Tr bằng điện thoại, tin nhắn Zalo và sau đó chuyển tiền. Tuy nhiên, trong năm 2019 không thấy vợ chồng chị Tr và anh D chuyển trả tiền nên anh Ng nhiều lần liên lạc nhưng vợ chồng chị Tr, anh Duẩn có tình né tránh và không thanh toán tiền vay cho anh Ng.

Cụ thể số tiền anh Ng cho vợ chồng chị Tr như sau:

1/ Đối với các khoản tiền vay Đô la Mỹ (viết tắt là USD) tổng cộng 40.000 USD gồm các lần vay;

- Ngày 20-6-2019, chị Bùi Huyền Tr vay của anh Võ Thái Ng 10.000 USD.
- Ngày 24-6-2019, chị Bùi Huyền Tr vay của anh Võ Thái Ng 10.000 USD.
- Ngày 26-6-2019, chị Bùi Huyền Tr vay của anh Võ Thái Ng 10.000 USD.
- Ngày 01-7-2019, chị Bùi Huyền Tr vay của anh Võ Thái Ng 7.000 USD.
- Ngày 03-7-2019, chị Bùi Huyền Tr vay của anh Võ Thái Ng 3.000 USD.

2/ Đối với các khoản tiền vay Việt Nam đồng tổng cộng là 1.000.000.000đồng, anh Ng chuyển tiền thông qua anh Diệp Tư H chuyển tiền trực tiếp vào số tài khoản 6211000077xxxx tại ngân hàng B chủ tài khoản là Nguyễn Tư D theo yêu cầu của chị Tr.

Đến nay, anh Ng xác định số tiền 40.000USD đã giải quyết xong với chị Tr và anh Duẩn và còn nợ số tiền 1.000.000.000đồng thì chị Tr và anh D không trả lại số tiền này.

Vì vậy, anh Ng xin rút yêu cầu khởi kiện buộc chị Bùi Huyền Tr và anh Nguyễn Tư D phải liên đới trả lại cho anh Ng 40.000USD.

Đối với khoản vay 1.000.000.000đồng, do các bên không viết giấy vay tiền nên anh Ng thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện buộc chị Bùi Huyền Tr và anh Nguyễn Tư D phải liên đới trả lại cho anh Ng 1.000.000.000đồng, như sau: Anh Ng yêu cầu anh Nguyễn Tư D phải trả lại cho anh Ng số tiền đã chuyển số tiền tổng cộng là 1.000.000.000đồng do anh Diệp Tư H nộp tiền mặt vào Số tài khoản: 6211000077xxxx của anh Nguyễn Tư D: Ngày 22-6-2019 nộp 700.000.000đồng, ngày 26-6-2019 nộp 290.000.000đồng và chuyển khoản 10.000.000đồng.

Kèm theo đơn khởi kiện, anh Ng nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện là:

- Giấy nộp tiền mặt số 0036 ngày 26-6-2019 của Ngân hàng B.
- 02 Giấy báo có của Ngân hàng B: ngày 21-6-2019 số tiền 700.000.000đồng và ngày 26-6-2019 số tiền 290.000.000đồng.

Tại Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 28-01-2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Nguyễn Tư D trình bày:

Anh Duẩn thống nhất có việc vay mượn như anh Ng trình bày nhưng toàn bộ nội dung vay mượn tiền là do chị Tr trực tiếp thỏa thuận với anh Ng. Tuy nhiên, anh D không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh Võ Thái Ng vì các bên đã thỏa thuận cản trừ nợ với nhau nên không còn nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập để tham dự phiên tòa; đã gửi cho bị đơn bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn nộp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập nhưng bị đơn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ nguyên đơn cung cấp và không có yêu cầu phản tố, không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 26-8-2021 và tại phiên tòa, người làm chứng là anh Diệp Tư H trình bày:

Anh Diệp Tư H quen biết với anh Võ Thái Ng là do làm ăn chung với nhau. Anh Hậu không có quen biết gì với chị Bùi Huyền Tr và anh Nguyễn Tư D. Anh Hậu khẳng định đã nhiều lần chuyển tiền thay cho anh Ng và đã chuyển số tiền tổng cộng là 1.000.000.000đồng vào số tài khoản: 6211000077xxxx của anh Nguyễn Tư D gồm: Ngày 22-6-2019 nộp tiền mặt 700.000.000đồng, ngày 26-6-2019 nộp tiền mặt 290.000.000đồng và chuyển khoản 10.000.000đồng. Toàn bộ số tiền này là tiền của anh Ng. Về nội dung cụ thể của việc chuyển tiền này thì anh Hậu không biết.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có mặt theo giấy triệu tập và không nộp tài liệu chứng cứ.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 274, 275, 280, 463, 466, 469 và 688 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Đình chỉ giải quyết vụ án đối với phần yêu cầu của anh Võ Thái Ng buộc chị Bùi Huyền Tr và anh Nguyễn Tư D phải liên đới trả lại cho anh Ng 40.000 USD.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là anh Nguyễn Tư D phải trả số tiền 1.000.000.000đồng.

Về án phí: Anh Nguyễn Tư D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại đơn khởi kiện, anh Võ Thái Ng khởi kiện yêu cầu chị Bùi Huyền Tr và anh Nguyễn Tư D phải liên đới trả lại tiền vay gồm 40.000USD và 1.000.000.000đồng nên khi thụ lý vụ án, căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là: “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”.

Tại phiên tòa, anh Ng thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện và rút một phần yêu cầu khởi kiện gồm:

- Rút yêu cầu khởi kiện buộc buộc chị Bùi Huyền Tr và anh Nguyễn Tư D phải liên đới trả lại cho anh Ng 40.000 USD.

- Thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện: Anh Ng yêu cầu anh Nguyễn Tư D phải trả lại cho anh Ng số tiền tổng cộng là 1.000.000.000đồng đã chuyển vào số tài khoản ngân hàng: 6211000077xxxx của anh Nguyễn Tư D.

Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp của vụ án là: “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là chị Bùi Huyền Tr và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Tư D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Tr và anh D.

[2] Hội đồng xét xử nhận thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, các yêu cầu này được chấp nhận, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu buộc chị Bùi Huyền Tr và anh Nguyễn Tư D phải liên đới trả lại cho anh Ng 40.000USD và tiếp tục xem xét, giải quyết đối với yêu cầu thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Tư D thừa nhận có sự việc vay mượn tiền giữa chị Bùi Huyền Tr và anh Võ Thái Ng, nội dung vay mượn tiền do chị Tr trực tiếp thỏa thuận với anh Ng. Anh D xác định các bên đã thỏa thuận căn trừ nợ với nhau nên không còn nợ. Do đó, anh D không đồng ý với yêu cầu khởi kiện anh Ng. Tuy nhiên, anh D không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh có sự việc thỏa thuận căn trừ nợ.

Bị đơn là chị Tr đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án và được thông báo nội dung đơn khởi kiện nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh Ng.

Căn cứ vào các tài liệu do anh Ng nộp gồm: “Giấy nộp tiền mặt số 0036 ngày 26-6-2019 của Ngân hàng B, 02 Giấy báo có của Ngân hàng B: ngày 21-6-2019 số tiền 700.000.000đồng và ngày 26-6-2019 số tiền 290.000.000đồng”; Công văn số 07/BIDV.NGL-QLRR ngày 19-01-2021 của Ngân hàng B xác nhận anh Diệp Tư H có nộp tiền mặt và số tài khoản: 6211000077xxxx của anh Nguyễn Tư D: Ngày 22-6-2019 nộp 700.000.000đồng, ngày 26-6-2019 nộp 290.000.000đồng và chuyển khoản 10.000.000đồng và lời khai của người làm chứng là anh Diệp Tư H, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định anh Ng đã chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của anh D số tiền 1.000.000.000đồng là sự thật. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của anh Ng là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[8] Về án phí:

Anh Duẩn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của anh Ng được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 161, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 166 Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Võ Thái Ng.

Buộc anh Nguyễn Tư D phải trả cho anh Võ Thái Ng số tiền 1.000.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc chị Bùi Huyền Tr và anh Nguyễn Tư D phải liên đới trả lại số tiền 40.000USD của anh Võ Thái Ng, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

Anh Nguyễn Tư D phải chịu 42.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Võ Thái Ng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 34.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005542 ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Võ Thái Ng có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự là chị Bùi Huyền Tr và anh Nguyễn Tư D vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc **bản án** được tổng đạt hợp lệ.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tp Pleiku;
- Chi cục THADS tp Pleiku;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(đã ký)

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Vũ Đình Nguyên